

Số: 61/TB-TTYT

Phước Long, ngày 13 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Các hãng sản xuất, nhà cung cấp HC-VTTYT tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế huyện Phước Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung ứng hóa chất và vật tư y tế năm 2025 (*Phần còn lại và bổ sung*). Thuộc dự án: Cung ứng hóa chất và vật tư y tế năm 2025 (*Phần còn lại và bổ sung*) của Trung tâm Y tế huyện Phước Long với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Phước Long

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Thị Trấn Phước Long, huyện Phước Long, Tỉnh Bạc Liêu

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược – TTB – VTTYT, Trung tâm Y tế huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu;

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Thị Trấn Phước Long, huyện Phước Long, Bạc Liêu.

Điện thoại: 0291.3864.561; 0918422660 (*Ds Lợi trong giờ hành chính*).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTB – VTTYT, Trung tâm Y tế huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; (**bảng gốc**).

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Thị Trấn Phước Long, huyện Phước Long, Bạc Liêu.

- Nhận qua email: tochuyengiattythpl1959@gmail.com. (**Bảng scan và file excel**).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 24/03/2025

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24/03/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Quý công ty báo giá (*theo danh mục kèm theo*) và phải có ít nhất các thông số theo bảng sau:

STT	Tên hóa chất, vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan VNĐ	Thuế phí, lệ phí (nếu có) VNĐ	Thành tiền VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
...										

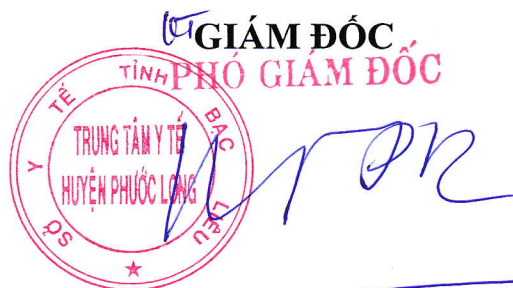
Nhận được thông báo này đề nghị các tổ chức có liên quan, quan tâm và đủ năng lực đến chào giá theo nội dung công việc nêu trên.

Bảng thông báo yêu cầu báo giá này được đăng tải trên <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử Trung tâm Y tế huyện Phước Long: <http://ttyphuoclong.vn>.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;
- Lưu: Khoa Dược-TTB-VTTYT



Nguyễn Thanh Phương



DANH MỤC HÓA CHẤT VÀ VTYT NĂM 2025 (phần còn lại và bổ sung)
 (Kèm Thông báo số: 61 /TB-TTYT, ngày 13 / 03 /2025, của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phước Long)

ST T	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Ghi chú
1	Ambu bóp bóng trẻ em hoặc tương đương	Cái	8	Còn lại	
2	Băng thun 3 móc	Cuộn	77	Còn lại	
3	Bình huỷ kim lớn 6,8 lít	Cái	154	Còn lại	
4	Bình huỷ kim nhỏ 1,5 lít	Cái	154	Còn lại	
5	Bo huyết áp kế	Cái	77	Còn lại	
6	Bóng đèn máy sinh hóa	Cái	4	Còn lại	
7	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng máy thận nhân tạo HDF Online	Bộ	15	Còn lại	
8	Chỉ thép số 5, kim tròn	Tép	18	Còn lại	
9	Chloramin B	Kg	39	Còn lại	
10	Dầu soi kính hiển vi	Chai	3	Còn lại	
11	Dung dịch rửa vết thương loại Povidone Iodine 10% (120ml)	Chai/Lọ	308	Còn lại	
12	Đinh Kirschner 2.0	Cái	20	Còn lại	
13	Giấy in nhiệt 80 mm	Cuộn	77	Còn lại	
14	Keo bonding 4M	Lọ	8	Còn lại	
15	Kim châm cứu số 20	Cây	770	Còn lại	
16	Kim khâu da tam giác (11 x 34)	Cây	770	Còn lại	
17	Kim khâu da tam giác (9 x 24)	Cây	770	Còn lại	
18	Kim khâu da tròn (11x34)	Cây	770	Còn lại	
19	Kim khâu da tròn (9x24)	Cây	770	Còn lại	
20	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng kích cỡ 10 x 15 cm	Cái	4	Còn lại	
21	Mảnh ghép thoát vị bẹn, thành bụng kích cỡ 5 x 10 cm	Cái	19	Còn lại	
22	Mũi khoan nha khoa các cỡ	Cây	254	Còn lại	
23	Mũi khoan xương 2,7 mm	Cái	20	Còn lại	
24	Ống nghiệm thủy tinh có nắp 16x100mm	Ống	1.540	Còn lại	
25	Vật liệu cầm máu các loại	Miếng	77	Còn lại	
26	Vít xương cứng 3.5 các cỡ (có khóa)	Cái	77	Còn lại	
27	Vôi Soda	Can	4	Còn lại	
28	NaCl 0,45%	Chai	9	Còn lại	
29	Ống nghiệm pha loãng mẫu	Cái	1.540	Còn lại	
30	Test khí máu động mạch	Test	385	Còn lại	
31	Thẻ định danh vi khuẩn gram âm	Card/thẻ	193	Còn lại	
32	Thẻ định danh vi khuẩn gram dương	Card/thẻ	193	Còn lại	
33	Thẻ kháng sinh đồ AST gram âm	Card/thẻ	193	Còn lại	
34	Thẻ kháng sinh đồ AST gram dương	Card/thẻ	193	Còn lại	
35	Đinh Kirschner 1.4	Cây	20	Bổ sung	
36	Đinh Kirschner 1.6	Cây	20	Bổ sung	

37	Đinh Kirschner 1.8	Cây	20	Bổ sung	
38	Đinh Kirschner răng	Cây	10	Bổ sung	
39	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên phải 6 lỗ	Cái	6	Bổ sung	
40	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên phải 7 lỗ	Cái	2	Bổ sung	
41	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên trái 6 lỗ	Cái	6	Bổ sung	
42	Nẹp đầu ngoài xương đòn hình chữ S bên trái 7 lỗ	Cái	2	Bổ sung	
43	Nẹp mắc xích cỡ 7,8 lỗ	Cái	10	Bổ sung	
44	Taro 2.7	Cây	1	Bổ sung	
45	Tô vít 2.7	Cây	1	Bổ sung	
46	Vít vỏ thường 3.5 16mm (không khóa)	Con	30	Bổ sung	
47	Vít vỏ thường 3.5 18mm (không khóa)	Con	30	Bổ sung	
48	Vít vỏ xương 2.7 16mm tự khóa	Con	20	Bổ sung	
49	Vít vỏ xương 2.7 18mm tự khóa	Con	20	Bổ sung	
50	Vít vỏ xương 2.7 20mm tự khóa	Con	20	Bổ sung	
51	Bóng đèn cực tím	Cái	10	Bổ sung	
52	Đầu col 10 μ l	Cái	5.000	Bổ sung	
53	Giấy đo điện tim 58mm x 25m x 16mm	Cuộn	500	Bổ sung	
54	Heparin nồng độ 100 IU/ml	Lọ	100	Bổ sung	
55	Ống HCT	Cái	2.000	Bổ sung	
56	Ống nghiệm thủy tinh 12x75mm	Cái	1.000	Bổ sung	
57	Ống nghiệm thủy tinh 13x100mm	Cái	1.000	Bổ sung	
58	Ống tiêm có tráng Heparin 2ml	Cái	1.000	Bổ sung	
59	Pipet nhựa cỡ 3ml	Ống/Cái	1.000	Bổ sung	
60	Plastic Micropipettes 20 μ l	Lọ/hộp	10	Bổ sung	
61	Sáp HCT	Cái	50	Bổ sung	
62	Túi đựng bệnh phẩm size M	Cái	100	Bổ sung	
63	Túi đựng bệnh phẩm size S	Cái	50	Bổ sung	
64	Thuốc nhuộm tiêu bản EA-50	Chai	5	Bổ sung	
65	Thuốc nhuộm tiêu bản hematoxylin	Chai	5	Bổ sung	
66	Thuốc nhuộm tiêu bản OG-6	Chai	5	Bổ sung	
67	Hóa chất xét nghiệm Toxo IgG	Hộp	10	Bổ sung	
68	Hóa chất xét nghiệm Toxo IgM	Hộp	10	Bổ sung	
69	Hóa chất xét nghiệm Định lượng CA 125 (Cancer antigen 125)	Hộp	6	Bổ sung	
70	Hóa chất xét nghiệm Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	Hộp	6	Bổ sung	
71	Hóa chất xét nghiệm Định lượng CA 15-3 (Cancer antigen 15-3)	Hộp	6	Bổ sung	
72	Hóa chất xét nghiệm Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	Hộp	6	Bổ sung	
73	Hóa chất xét nghiệm Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Hộp	6	Bổ sung	
74	Hóa chất xét nghiệm Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Hộp	6	Bổ sung	

75	Hóa chất xét nghiệm Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Hộp	6	Bổ sung	
76	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Troponin I	Hộp	18	Bổ sung	
77	Calibration	Hộp	6	Bổ sung	
78	Control	Hộp	6	Bổ sung	
79	Dung dịch rửa	Hộp	6	Bổ sung	
80	Dung dịch pha loãng	Hộp	6	Bổ sung	
81	Acid - Bazo	Hộp	6	Bổ sung	
82	Nước rửa	Hộp	6	Bổ sung	
83	Dung dịch tách phân bạch cầu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	23	Bổ sung	
84	Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	23	Bổ sung	
85	Dung dịch pha loãng máu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Thùng/C an/Chai	39	Bổ sung	
86	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	23	Bổ sung	
87	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	23	Bổ sung	
88	Máu kiểm chứng huyết học mức cao dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	4	Bổ sung	
89	Máu kiểm chứng huyết học mức thấp dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	4	Bổ sung	
90	Máu kiểm chứng huyết học mức trung bình dùng cho máy huyết học 33 thông số	Chai/Lọ/ Hộp	4	Bổ sung	
	Tổng cộng: 90 mặt hàng				